

Bản án số: 562/2020/HS-PT

Ngày: 23-9-2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Minh

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Duyên

Bà Mai Thị Tú Oanh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hồ Quang Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 233/2020/HSPT ngày 29 tháng 6 năm 2020. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2020/HSST ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ.

***- Các bị cáo có kháng cáo:***

1. **Nguyễn Phi T** sinh ngày 30 tháng 9 năm 1997, tại Thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: 107 khu vực 2, phường Ba L1, quận Cái R, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh P và bà Tôn Ngọc Phương T4; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/9/2019 (có mặt)

2. **Trương Hữu P** sinh ngày 30 tháng 12 năm 1991, tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: Thôn Phụng T5, xã Hòa T6, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên; chỗ ở: Tổ 4, khóm 2, phường Cái V, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Hữu P1 và bà Trần Thị H2; tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 25/5/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân L, tỉnh Đồng Nai xử phạt 2 năm 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong án phạt tù ngày 17/01/2017; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/9/2019 (có mặt)

***- Người bào chữa:***

1/ Luật sư Trần Thị Kim N1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phi T. (có mặt)

2/ Luật sư Nguyễn Đăng T5 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ, bào chữa cho bị cáo Trương Hữu P. (có mặt)

*(Trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thanh L, Mai Tuấn K, Lý Trường T2, Trần Vũ T3 không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, bị cáo Võ Văn H đã rút toàn bộ kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Phi T là chủ cơ sở in thiệp cưới tại số 107 khu vực 2, phường Ba L1, quận Cái R, thành phố Cần Thơ. Sau khi xem T tin đăng trên mạng xã hội, T đã nảy sinh ý định làm giả tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành, để bán lấy tiền thật. Từ ngày 10/9/2019, T bắt đầu việc làm ra tiền giả. Kết quả, T đã in ra giấy 500.000 đồng giả, đã in hoàn chỉnh và lưu hành 98.000.000 đồng tiền giả, theo mệnh giá in trên giấy tiền. Số tiền giả đã in ra, nhưng chưa cắt là 76.000.000 đồng. Số tiền giả bị hỏng là 6.000.000 đồng, đã tự hủy.

Kết quả điều tra đã xác định được như sau:

T đã rủ Võ Văn H (là bạn của T) tham gia lưu hành tiền giả. H đã giới thiệu cho T bán tiền giả cho những người như sau: Lý Trường Thành, Mai Tuấn K, Nguyễn Văn Tính, Trương Hữu P, Nguyễn Thanh L và Trần Vũ T3. Cụ thể như sau:

Lần 1: T2 nợ T1 (là bạn cùng sử dụng trái phép chất ma túy chung) 3.500.000 đồng. Ngày 16/9/2019, do T1 đòi nợ nên T2 đã hỏi mượn tiền của H. H hỏi T2: “Có dám xài tiền giả hay không”. T2 đồng ý sử dụng. H hỏi xin T 2.500.000 đồng tiền giả, để làm mẫu, rồi giao cho T2. T2 đưa cho T1 2.000.000 đồng và cho biết là tiền giả. Do giấy tiền không đạt chất lượng nên T2 và T1 đã hủy bỏ.

Lần 2: Ngày 18/9/2019, T2 nhờ H lấy dùm 10.000.000 đồng tiền giả. Khoảng 18 giờ, H và T mang số tiền này đến cơ sở Karaoke Quốc D 2 - phường Cái V, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh Long, giao cho T2. T2 trả trước 1.000.000 đồng tiền thật và nợ lại 2.000.000 đồng.

T2 giao số tiền giả nói trên cho T1, để trừ nợ 3.500.000 đồng tiền thật. T1 cho lại T2 2.000.000 đồng tiền giả. Còn lại 8.000.000 đồng. T1 và P chia đôi. T1 và P, mỗi người, lấy 1.000.000 đồng tiền giả, chen lẫn vào tiền thật, để nộp cho chủ cơ sở Karaoke.

Khoảng 3 giờ, ngày 19/9/2019, L (là bạn cùng sử dụng trái phép chất ma túy chung) đến cơ sở Karaoke, rủ T1 và P đi qua Cần Thơ, chơi. T1 gom 6.000.000 đồng tiền giả còn lại, mang theo, để sử dụng. T1 đã sử dụng hết

1.000.000 đồng. Còn lại 5.000.000 đồng, T1 giao cho L tiêu thụ dùm. L đưa cho T1 5.000.000 đồng tiền thật.

Sau đó, do sử dụng không được nên L đã trả hết cho T1.

Lần 3: Ngày 19/9/2019, H nói T giao 7.000.000 đồng tiền giả, để bán cho K. H thu 1.000.000 đồng tiền thật, mang về giao cho T.

Lần 4: Ngày 20/9/2019, T bán cho K 10.500.000 đồng tiền giả. K trả trước 900.000 đồng, nợ lại 600.000 đồng.

Lần 5: Ngày 23/9/2019, T giao cho H 8.000.000 đồng tiền giả, để giao cho K. H thu 1.000.000 đồng tiền thật của K và mang về giao lại cho T.

Lần 6: Ngày 24/9/2019, T bán cho K 10.000.000 đồng tiền giả. K chưa trả tiền thật cho T.

K đã mua tổng cộng là 35.500.000 đồng tiền giả. K đã tiêu thụ như sau:

Đã bán cho Trần Đỗ Q 3.500.000 đồng, thu 500.000 đồng tiền thật. Đã đưa cho Trần P1 (H1) 1.000.000 đồng tiền giả, nhưng không cho P biết là tiền giả. P đã sử dụng hết. Đã bán cho Trần Vũ T3 2 lần. Mỗi lần 500.000 đồng, với giá 300.000 đồng tiền thật, nhưng cho T3 nợ lại. Tổng cộng K đã giao cho những người khác tiêu thụ 5.500.000 đồng tiền giả. T3 đã 2 lần sử dụng tiền giả để thanh toán tiền chơi Game điện tử, tại phường Lê Bình, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Chủ cơ sở đã phát hiện và trình báo với Công an phường Lê Bình.

K trực tiếp tiêu thụ 20.500.000 đồng tiền giả. Còn lại 9.500.000 đồng tiền giả đã bị thu giữ. Ngoài ra, còn thu giữ 3.610.000 đồng tiền thật, do tiêu thụ tiền giả mà có.

Lần 7: Ngày 21/9/2019, T1 đặt mua 10.000.000 đồng tiền giả. H và T đã mang số tiền này đến cơ sở Karaoke Quốc D 2 - phường Cái V, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh Long, giao cho P. P hỏi giá. H trả lời: “Trả bao nhiêu cũng được”. P đưa tiền giả cho T1 và T1 đưa 1.000.000 đồng tiền thật cho P, để trả cho H.

P đã sử dụng 1.000.000 đồng tiền giả, chen lẫn với tiền thật, để nộp cho chủ cơ sở Karaoke. T1 giữ 9.000.000 đồng tiền giả còn lại.

Ông Nguyễn Phước Dũng (chủ cơ sở Karaoke) đã phát hiện ra tiền giả và đã nộp cho Cơ quan điều tra.

Lần 8: Ngày 23/9/2019, T1 đặt mua 40.000.000 đồng tiền giả. T giao tiền cho H. H rủ K cùng đi. K đến cơ sở Karaoke Quốc D 2 - phường Cái V, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh Long, giao cho T1 và P. Do không có đủ tiền mua, nên T1 hỏi L có mua hay không L trả lời: “Chỉ mua giấy có mệnh giá 200.000 đồng và 100.000 đồng mà thôi”. P nói: “Cứ lấy xài đi. Sắp có loại giấy 200.000 đồng và 100.000 đồng. Sẽ đổi lại cho”. L đồng ý mua và đưa 5.500.000 đồng cho T1, để trả cho H.

L đã sử dụng 1.000.000đ tiền giả để cho 2 tiếp viên tại cơ sở Karaoke. Các tiếp viên này đã phát hiện ra tiền giả nên đã đưa cho T1. T1 đã tiêu hủy số tiền này.

Sau khi nhận được tin cơ sở Karaoke Quốc D bị khám xét, L đã tự tiêu hủy số tiền giả còn lại. T1 bỏ trốn và tự tiêu hủy 14.000.000đ tiền giả.

Tổng cộng T1 và P đã tiêu thụ 60.000.000 đồng tiền giả. Ngoài ra, T1 còn tiêu thụ riêng 2.000.000 đồng tiền giả do T2 giao để trả nợ. L đã tiêu thụ 40.000.000 đồng tiền giả và trả lại cho T1 5.000.000đ tiền giả khác (lần 2). T2 tự tiêu thụ 500.000 đồng tiền giả và giao cho T1 12.000.000 đồng tiền giả, để tiêu thụ.

Kết Luận Giám định cho thấy số tiền giả đã thu giữ được làm bằng phương pháp in phun màu.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2020/HS-ST ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phi T phạm tội Làm và lưu hành tiền giả. Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17 và 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Phi T 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù T1 từ ngày 25/9/2019.

Tuyên bố bị cáo Trương Hữu P phạm tội Lưu hành tiền giả. Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17 và 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Hữu P 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/9/2019.

Tuyên bố Võ Văn H phạm tội Lưu hành tiền giả. Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17 và 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Văn H 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/9/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm đã tuyên các bị cáo khác về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng vụ án, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 02/6/2020, bị cáo Nguyễn Phi T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 01/6/2020, bị cáo Võ Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 30 tháng 6 năm 2020, bị cáo Võ Văn H có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Tòa án phúc thẩm đã ra T báo số 49/2020/TB-TA ngày 27/8/2020 về việc đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bị cáo Võ Văn H.

Ngày 01/6/2020, bị cáo Trương Hữu P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trương Hữu P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Phi T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo xin rút toàn bộ kháng cáo bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo P trình bày: Không đồng ý về tội danh của bị cáo P, bị cáo P chỉ giúp sức, không có ý định lưu hành tiền giả. Hành vi của đồng phạm này là tiền đề cho hành vi đồng phạm kia. Không có gì chứng minh ở nơi ở của bị cáo P có tiền giả. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm chuyển tội danh sang tội không tố giác tội phạm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các bị cáo một lần nữa thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đại diện Viện kiểm sát kết luận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Phi T về tội “Làm và lưu hành tiền giả” và bị cáo Trương Hữu P về tội “Lưu hành tiền giả” là có căn cứ, đúng pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không đồng ý với ý kiến của Luật sư. Bị cáo P đã thừa nhận cùng Tuấn làm tiền giả, bị cáo H cũng khẳng định đã giao tiền cho P. Các lời khai của các bị cáo là phù hợp. Do đó cấp sơ thẩm quy kết bị cáo P về tội danh và hình phạt là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở xem xét. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với bị cáo T tại phiên tòa hôm nay đã rút toàn bộ kháng cáo nên Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong khoảng thời gian từ ngày 10/9/2019 đến ngày 23/9/2019, Nguyễn Phi T đã sử dụng kỹ năng trong nghề in và tạo mẫu để làm giả tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành với mệnh giá 500.000 đồng. Tổng cộng bị cáo đã in được 172.000.000 đồng tiền giả. Với sự giúp sức của các bị cáo Võ Văn H, Nguyễn Văn T1, Trương Hữu P, Nguyễn Thanh L, Lý Trường T2 và Trần Vũ T3, bị cáo T đã lưu hành thành công 98.000.000 đồng. Số tiền giả đã in ra, nhưng chưa cắt là 76.000.000 đồng. Bị cáo T thu lợi bất chính số tiền 10.400.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử: bị cáo Nguyễn Phi T về tội “Làm và lưu hành tiền giả” thuộc T3 hợp phạm tội “tiền giả có trị giá tương ứng từ 50.000.000 đồng trở lên” theo điểm khoản 3 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và bị cáo Trương Hữu P về tội “Lưu hành tiền giả” thuộc T3 hợp phạm tội “giả có trị giá tương ứng từ 50.000.000 đồng trở lên” theo điểm khoản 3 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[2]. Đơn kháng cáo của các bị cáo nằm trong hạn luật định nên hợp lệ.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phi T, Hội đồng xét xử nhận thấy cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn

khai báo, thái độ ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; ông nội của bị cáo tham gia kháng chiến và được tặng Huy chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì; gia đình của bị cáo T đã nộp thay bị cáo số tiền thu lợi bất chính là 10.400.000 đồng được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 14 năm tù giam là thỏa đáng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo T. Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[4]. Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Trương Hữu P, Hội đồng xét xử nhận thấy tại cấp sơ thẩm bị cáo P thể hiện thái độ rất ngoan cố, khẳng khái không khai nhận hành vi phạm tội nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm nên cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Mặc khác bị cáo có một tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Do đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 13 năm tù giam là thỏa đáng.

[5]. Tại phiên tòa, bị cáo P không trình bày được tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo P.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 342 và 348, điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Hữu P, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Phi T.

Tuyên bố bị cáo Trương Hữu P phạm tội “Lưu hành tiền giả”.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 207; điểm g, điểm s khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trương Hữu P** 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/9/2019.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trương Hữu P phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Tiếp tục tạm giam (45 ngày) bị cáo Nguyễn Phi T và Trương Hữu P để bảo đảm thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Công an TP. Cần Thơ;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- Cục THADS TP. Cần Thơ ;
- Trại tạm giam công an TP. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Văn Minh**